TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**10**/2021/HS-ST
Ngày: 07-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu**.
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Phúc**.
Bà **Trần Thị Thu Thảo**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/HSST-QĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Lê Minh C**, sinh ngày 20/5/1996. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quan Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1966; Tiền án: Không; Tiền sự: Bị Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, theo quyết định số 31 ngày 14/11/2017, chưa chấp hành; Đặc điểm nhân thân: Bị UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 6 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo quyết định số 01 ngày 05/01/2017. Chấp hành xong ngày 06/7/2017; Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng, theo quyết định số 117 ngày 09/11/2017. Chấp hành xong ngày 26/9/2018. Bị cáo chưa có vợ, con. Hiện bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Đoàn Phước N1**, sinh ngày 03/7/2001. Nơi sinh: Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp TL, xã TĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn P, sinh năm 1971 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần: Bị Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 0003931/QĐ-XPHC ngày 06/11/2019. Hành vi: Xâm phạm sức khỏe người khác. Hình thức: Phạt tiền 2.500.000đ. Chưa chấp hành; Đặc điểm nhân thân: Ngày 30/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản", ngày phạm tội 30/3/2021 và 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày phạm tội 24/3/2021; Tổng hợp hình phạt 04 năm 03 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam 05/4/2021. Ngoài ra, ngày 16/3/2022, bị cáo Đoàn Phước N1 còn bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" tại bản án số 08/2022/HS-ST, ngày phạm tội 02/3/2021. Hiện tại, bị cáo Đoàn Phước N1 đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa, Cục C10, Bộ Công an. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: **Tăng Chí T**, sinh ngày 11/7/2002. Nơi sinh: Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp TL, xã TĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Xuân K, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Kim S, sinh năm 1986; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Bị Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, theo quyết định số 133 ngày 22/8/2020, chưa chấp hành. Đặc điểm nhân thân: Ngày 28/01/2022 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam để điều tra về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quyết định khởi tố bị can số 37/QĐ-ĐCSMT ngày 28/01/2022 và lệnh tạm giam số 24/TG-ĐCSMT ngày 28/01/2022, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị **Nguyễn Thị Mỹ D,** sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **Lê Quan Q**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng)

- Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1991 (đã chết). Nơi cư trú: Ấp T2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp cho anh T1: Ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Bé B. Nơi cư trú: Xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

- Bà **Đặng Thị T4**, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp TL, xã TĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Anh **Đoàn Khánh S1**, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng)

- Anh **Phạm Tấn T5**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/02/2021, Bị cáo Tăng Chí T điều khiển xe mô tô BKS: 63H5 – 7963 chở bị cáo Đoàn Phước N1 cùng bị cáo Lê Minh C điều khiển xe mô tô BKS: 63B3 – 932.14 cùng đến khu vực gần Khu công nghiệp Long Giang. Cường phát hiện tiệm tóc A.P do chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang làm chủ, tọa lạc tại Ấp 5, xã T6, huyện T, tỉnh Tiền Giang khóa cửa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Bị cáo C dừng xe tại cửa tiệm, bị cáo T và bị cáo N1 cũng chạy xe đến. Tại đây, bị cáo C đi quan sát và kêu bị cáo N1 đưa một tua vít có sẵn trên xe của bị cáo C để C cạy cửa và cùng N1 đột nhập vào trong lục tìm tài sản để trộm, còn bị cáo T đứng bên ngoài trông xe và cảnh giới.

Khi đột nhập vào trong tiệm hớt tóc, bị cáo C bẻ gãy 01 Camera ghi hình giấu trong túi quần, lấy 01 con heo đất (dùng cất tiền tiết kiệm), 02 điện thoại di động hiệu Nokia (loại có bàn phiếm) và 01 cái thang (loại thang rút); bị cáo N1 lấy số tiền mặt để trong cái thùng bằng kim loại (loại đựng bánh) giấu trong túi quần.

Sau khi lấy được tài sản, bị cáo C điều khiển xe của C chở bị cáo N1 mang theo tất cả tài sản đã trộm được chạy đi trước, bị cáo T điều khiển xe chạy theo sau. Khi đến khu vực đất trống gần cổng sau Khu công nghiệp Long Giang, bị cáo C đập bể heo đất bên trong có tiền, bị cáo N1 lấy tiền mặt đã trộm được ra nhập chung để cả ba cùng kiểm đếm được số tiền 3.400.000 đồng; bị cáo C chia cho bị cáo N1 và bị cáo T mỗi người 1.000.000 đồng, số tiền còn lại C giữ. Đồng thời, bị cáo C ném bỏ camera, đưa cho bị cáo N1 01 điện thoại di động màu đen, bị cáo C giữ 01 cái điện thoại di động màu trắng. Cái thang rút do bị cáo N1 và bị cáo T giữ lấy.

Hành vi của 03 bị can đã bị chị Nguyễn Thị Mỹ D phát hiện, nên đã trình báo Công an xã T6. Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 xe mô tô 2 bánh, hiệu Honda Dream, màu nâu, số máy: VZS150FMG-015986, số khung: RMWDCG2MW7H015986, xe không bửng, không gương chiếu hậu, gắn

BKS: 63H5-7963. Qua xác minh, xe có số khung, số máy nêu trên do anh Đoàn Khánh S1, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang đăng ký sở hữu với BKS: 63B8 – 179.13, anh S1 khai báo đây là tài sản bị mất trộm xảy ra ngày 08/9/2020, trị giá 1.600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xử lý bàn giao xe cho Công an xã T, huyện T để tiếp tục xử lý theo quy định. Đối với BKS: 63H5-7963, qua xác minh là biển kiểm soát xe mô tô 2 bánh của anh Chung Thành L, sinh năm 1980, nơi cư trú: 55A, Ô 3, K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang đăng ký sử dụng và đã chuyển nhượng cho anh Phạm Tấn T5, sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng không làm thủ tục sang tên. Năm 2013, anh T5 đã cầm xe này ở TP. HCM, nhưng đã từ bỏ quyền sở hữu (không chuộc xe) và cũng không yêu cầu gì khác.

- 01 xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Honda, loại Winner X, BKS: 63B3 – 932.14. Xe này do ông Lê Quan Q, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cha của bị cáo C) đăng ký sở hữu, Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho ông Lê Quan Q.

- Tiền Việt Nam: 7.500.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả.

- 01 thẻ nhớ lưu trữ dữ liệu hình ảnh được trích xuất từ hệ thống Camera an ninh của tiệm tóc A.P.

Vật chứng không thu hồi được:

- 01 Camera hiệu Hikivision màu trắng đen; 01 con heo đất, 01 tua vít. Số vật chứng này bị cáo C đã đập vở và ném bỏ, Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 318 ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Tân Phước, thì Camera Hikivision màu trắng đen trị giá còn lại là 2.450.000 đồng.

- 01 cái thang (loại thang rút, chữ A) màu bạc đã qua sử dụng, sau khi trộm được bị cáo N1 vá bị cáo T đem gửi tại phòng trọ của Huỳnh Chế L (Nhí), sinh năm 1997 tại ấp 4, xã T6, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do L chuyển chỗ ở khác nên đã thất lạc, không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phiếm, đã qua sử dụng, bị cáo N1 bán cho cửa hàng điện thoại di động T.P do anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991, ngụ: ấp T2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm chủ được 150.000 đồng, hiện điện thoại này cửa hàng đã bán nhưng không xác định được người mua nên không thu hồi được.

- 01điện thoại di động Nokia màu trắng, loại bàn phiếm, đã qua sử dụng, bị cáo C đã để mất nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 7.500.000 đồng, các bị cáo đồng ý và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 7.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSTP ngày 18/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với các bị cáo Lê Minh C, Đoàn Phước N1 và Tăng Chí T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Minh C, Đoàn Phước N1 và Tăng Chí T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 47; Điều 48; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh C từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù; xử phạt bị cáo Đoàn Phước N1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù; xử phạt bị cáo Tăng Chí T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 7.500.000 đồng, về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Đặng Thị T4 không yêu cầu bị cáo Đoàn Phước N1 hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội làm lại cuộc đời, trở lại làm ăn chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về sự vắng mặt của những người được triệu tập tham gia phiên tòa:* Tại phiên tòa, ông Q, anh T5, anh S1 có đơn xin vắn mặt; người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, các bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Đối với anh Nguyễn Văn T1, là chủ cửa hàng điện thoại "T.P" có hành vi tiêu thụ tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Qua điều tra, anh T1 không hứa hẹn trước với các bị cáo cũng như không biết rõ tài sản mà các bị cáo bán là do phạm tội, sau khi mua lại điện thoại, do điện thoại có giá trị không lớn và thời gian dài nên không nhớ rõ đã bán cho ai, bán giá bao nhiêu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T1 là phù hợp.

[4]. Đối với anh Huỳnh Chế L, có hành vi chứa chấp tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Qua điều tra, sau khi các bị cáo thực hiện hình vi phạm tội, bị cáo N1 và bị cáo T có đem cái thang rút cất giấu tại phòng trọ của L. Anh L không biết, không hứa hẹn cho các bị cáo cất giấu cái thang (loại thang rút), không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Do anh L chuyển chỗ ở khác nên đã thất lạc, không thu hồi được cái thang. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh L là phù hợp.

[5] *Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo C, N1 và T đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lê Minh C, Đoàn Phước N1 và Tăng Chí T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* như bản Cáo trạng số 42/CT-VKSTP ngày 18/11/2021 truy tố các bị cáo theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã lợi dụng điều kiện trời tối, ít người qua lại, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế các bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị không lớn nhưng hành vi

phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dục giáo dục các bị cáo, cải tạo bản thân các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo an toàn trật tự xã hội nói chung.

[6]. *Xét vai trò đồng phạm trong vụ án; Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo*:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo.

[6.1]. Trong vụ án này bị cáo Lê Minh C là người giữ vai trò chính. Bị cáo là người khởi xướng và cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, thể hiện tính quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Bản thân bị cáo có 01 tiền sự chưa chấp hành và bị cáo có nhân thân xấu. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt cao trong vụ án. Tuy nhiên, Hội đòng xét xử cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo C, bởi sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi và đã cùng các bị cáo khắc khắc phục hậu quả, bồi thường xong cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.2]. Đối với bị cáo Đoàn Phước N1 trong vụ án này cũng giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Thể hiện tính tích cực tham gia phạm tội nhưng tính chất mức độ phạm tội có thấp hơn so với bị cáo C, vì vậy bị cáo N1 phải chịu mức hình phạt có thấp hơn so với bị cáo C. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi và đã cùng các bị cáo khắc khắc phục hậu quả, bồi thường xong cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N1 đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa, Cục C10, Bộ Công an, của án bản số 32/2021/HS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản", ngày phạm tội 30/3/2021 và 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày phạm tội 24/3/2021; Tổng hợp hình phạt 04 năm 03 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam 05/4/2021. Ngày 16/3/2022, bị cáo N1 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", ngày phạm tội 02/3/2021. Như vậy trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước so với hành vi phạm tội đã bị xét xử tại bản số 32/2021/HS-ST ngày

30/9/2021 và bản án số 08/2022/HS-ST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Tại bản án số 08/2022/HS-ST ngày 16/3/2022 đã tổng hợp hình phạt với bản số 32/2021/HS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, xử phạt bị cáo 04 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 05/4/2021. Tuy nhiên do bản án số 08/2022/HS-ST ngày 16/3/2022 chưa có hiệu lực pháp luật nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt của các bản án mà sau khi các bản án có hiệu lực pháp luật sẽ có quyết định tổng hợp hình phạt chung theo quy định.

[6.3]. Đối với bị cáo Tăng Chí T trong vụ án này cũng giữ vai trò giúp sức tích cực và giữ nhiệm vụ cảnh giới cho bị cáo C và bị cáo N1 trực tiếp thực hiện tội phạm nên tính chất mức độ phạm tội có thấp hơn so với bị cáo C và bị cáo N1. Bị cáo có 01 tiền sự chưa chấp hành và hiện đang bị Cơ quan điều tra công an huyện C khởi tố bị can bắt tạm giam để điều tra về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử xét thấy Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi và đã cùng các bị cáo khác khắc phục hậu quả, bồi thường xong cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án, lượng hình.

[6.4]. *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. *Về vật chứng của vụ án*:

[7.1]. Đối với 01 xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Honda, loại Winner X, BKS: 63B3 – 932.14. Đây là tài sản hợp pháp của ông Lê Quan Q, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cha của bị cáo C) đăng ký sở hữu, việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện để thực hiện tội phạm ông Q không biết, do đó Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho ông Lê Quan Q là phù hợp.

[7.2]. Đối với 01 xe mô tô 2 bánh 01 xe mô tô 2 bánh, hiệu Honda Dream, màu nâu, số máy: VZS150FMG-015986, số khung: RMWDCG2MW7H015986, xe không bửng, không gương chiếu hậu, gắn BKS: 63H5-7963, đây là phương tiện bị cáo T sử dụng để thực hiện tội phạm, tuy nhiên quá trình điều tra, anh Đoàn Khánh S1 khai báo bị mất trộm xe máy với số khung, số máy nêu trên nhưng đăng ký biển kiểm soát 63B8 – 179.13 vào ngày 08/9/2020, giá trị xe máy theo kết luật định giá của Hội đồng định giá là 1.600.000 đồng, Cơ quan điều tra ra quyết định giao xe cho công an xã T, huyện

T, tỉnh Tiền Giang xử lý theo quy định. Ngày 23/11/2021, Công an xã T đã xử lý bằng hình thức trả lại xe cho anh Đoàn Khánh S1.

[7.3]. Đối với 01 biển kiểm soát 63H5-7963, qua xác minh là biểm kiểm soát xe mô tô 2 bánh của anh Chung Thành L, sinh năm 1980, nơi cư trú: 55A, Ô 3, K2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang đăng ký sử dụng. Phạn Tấn T5, sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang mua lại, nhưng không làm thủ tục sang tên. Năm 2013, anh T5 đã cầm xe này ở TP. HCM, nhưng đã từ bỏ quyền sở hữu (không chuộc xe) và cũng không yêu cầu gì khác, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7.4]. Đối với 01 thẻ nhớ lưu trữ dữ liệu hình ảnh được trích xuất từ hệ thống Camera an ninh của tiệm tóc A.P cần tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[7.5]. Đối với các vật chứng không thu hồi được gồm:

- 01 Camera hiệu Hikivision màu trắng đen; 01 con heo đất, 01 tua vít. Số vật chứng này bị cáo Cường đã đập vở và ném bỏ, Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 318 ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Tân Phước, thì Camera Hikivision màu trắng đen trị giá còn lại là 2.450.000 đồng.

- 01 cái thang (loại thang rút, chữ A) màu bạc đã qua sử dụng, sau khi trộm được bị cáo N1 vá bị cáo T đem gửi tại phòng trọ của Huỳnh Chế L (Nhí), sinh năm 1997 tại ấp 4, xã T6, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do L chuyển chỗ ở khác nên đã thất lạc, không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phiếm, đã qua sử dụng, bị cáo N1 bán cho cửa hàng điện thoại di động T.P do anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991, ngụ: ấp T2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm chủ được 150.000 đồng, hiện điện thoại này cửa hàng đã bán nhưng không xác định được người mua nên không thu hồi được.

- 01điện thoại di động Nokia màu trắng, loại bàn phiếm, đã qua sử dụng, bị cáo C đã để mất nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra, đối với 01 cái thang (loại thang rút), 02 điện thoại di động không thu hồi được nêu trên, do bị hại không có tài liệu chứng minh đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và tài liệu liên quan đến tài sản, nên Hội đồng định giá không có căn cứ xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Mặt khác, bị hại xác định mua và sử dụng tài sản này đã lâu, hiện giá trị tài sản không đáng kể. Do đó, không có cơ sở quy kết trách nhiệm hình sự các bị cáo đối với giá trị những tài sản này. Ngoài ra, bị hại chị D cũng không có yêu cầu gì đối với các vật chứng này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Đối với số tiền 2.000.000 đồng do bà Đặng Thị T4 nộp thay cho bị cáo Đoàn Phước N1 để khắc phục hậu quả, tại phiên tòa hôm nay, bà T4 không yêu cầu bị cáo N1 hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9]. *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ D không thể xác định chính xác giá trị tài sản bị thiệt hại, nhưng yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 7.500.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo C đã giao nộp số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo N1 đã nộp 2.000.000 đồng và bị cáo T đã nộp 2.000.000 đồng để bồi thường cho chị D, hiện số tiền này đang được gửi giữ tại tài khoản số 3949.0.9091600 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T mở tại Kho bạc Nhà nước huyện T. Các bị cáo tự nguyện nộp số tiền như trên và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo theo mức độ lỗi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 7.500.000 đồng.

[10]. *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12]. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[13]. Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: **Lê Minh C, Đoàn Phước N1, Tăng Chí T** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 41; Điều 50; Điều 58; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 41; Điều 50; Điều 58; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Phước N1 01 (một) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 41; Điều 50; Điều 58; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Tăng Chí T 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng:

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 63H5-7963 hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước đang lưu giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận các bị cáo Lê Minh C, Đoàn Phước N1 và Tăng Chí T tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) mà các bị cáo đã nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước. Số tiền nói trên hiện đang được gửi giữ tại tài khoản số 3949.0.9091600 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T mở tại Kho bạc Nhà nước huyện T theo Ủy nhiệm chi ngày 17/01/2022.

4. Về án phí:

- Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc bị cáo Lê Minh C phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Đoàn Phước N1 phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Tăng Chí T phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo, chị Dvà bà T4 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử

phúc thẩm. Ông Q, anh S1, anh T5 và người đại diện hợp pháp cho anh T1 là ông T3 và bà B được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Thạch Hải Âu